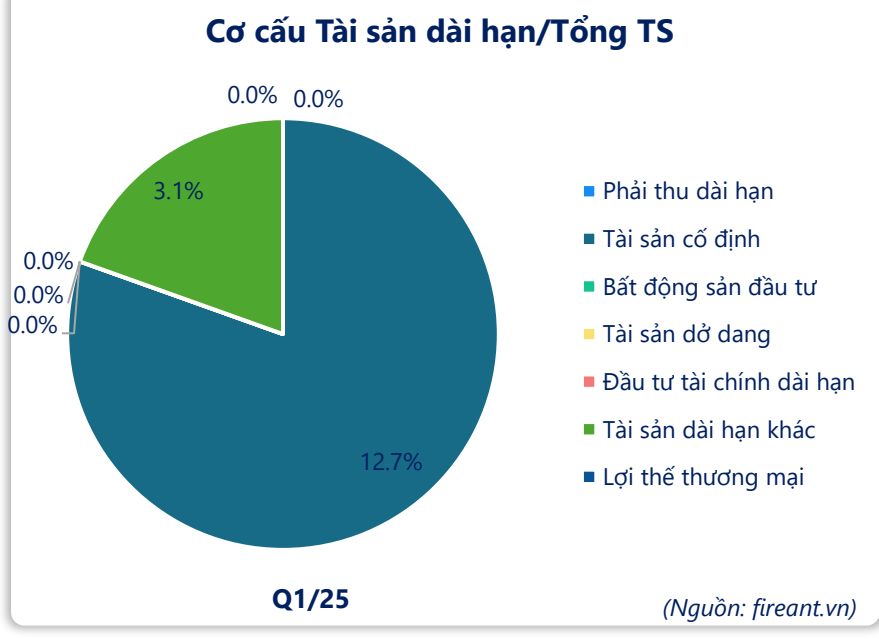
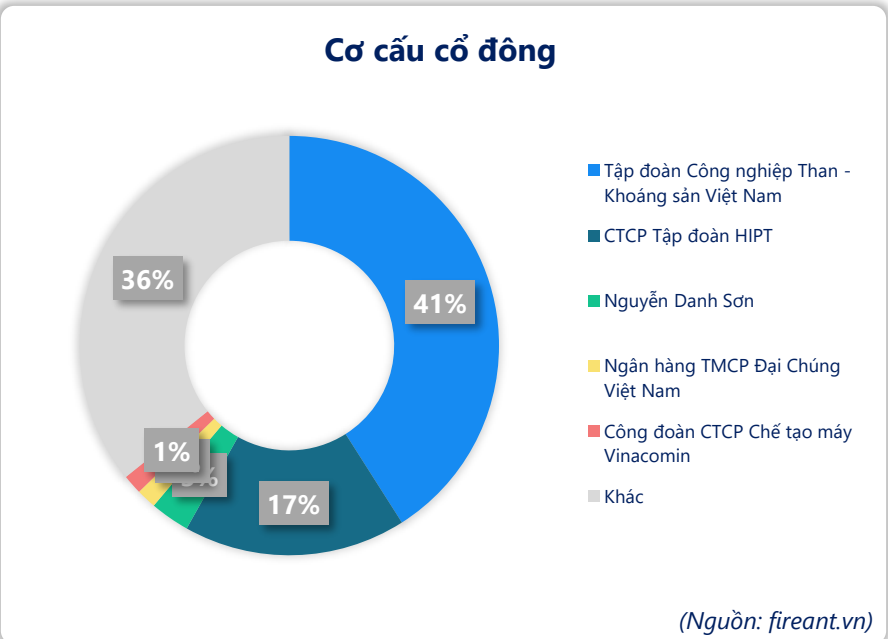
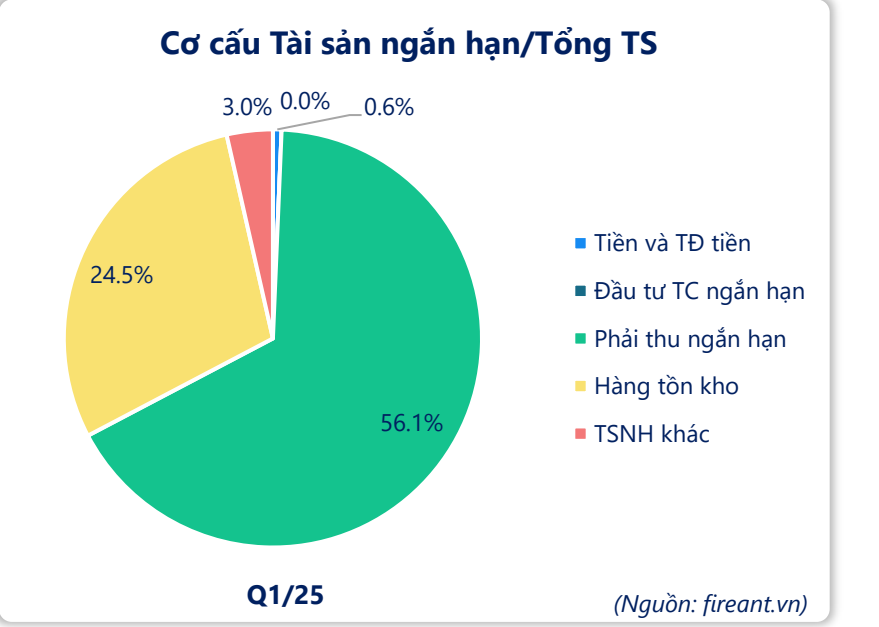
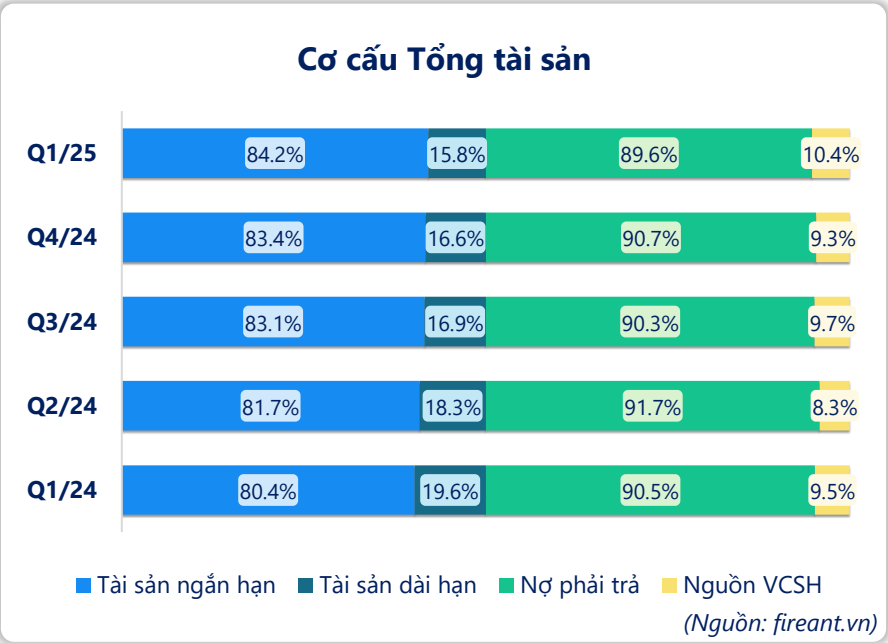
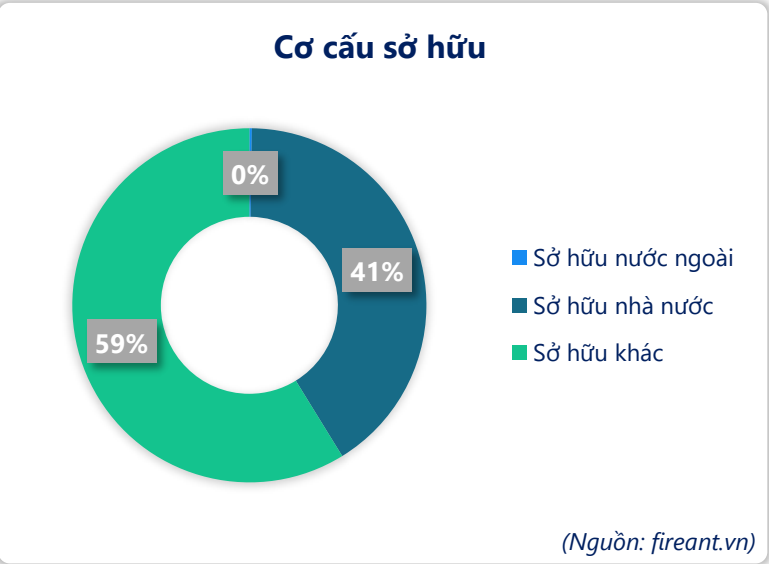
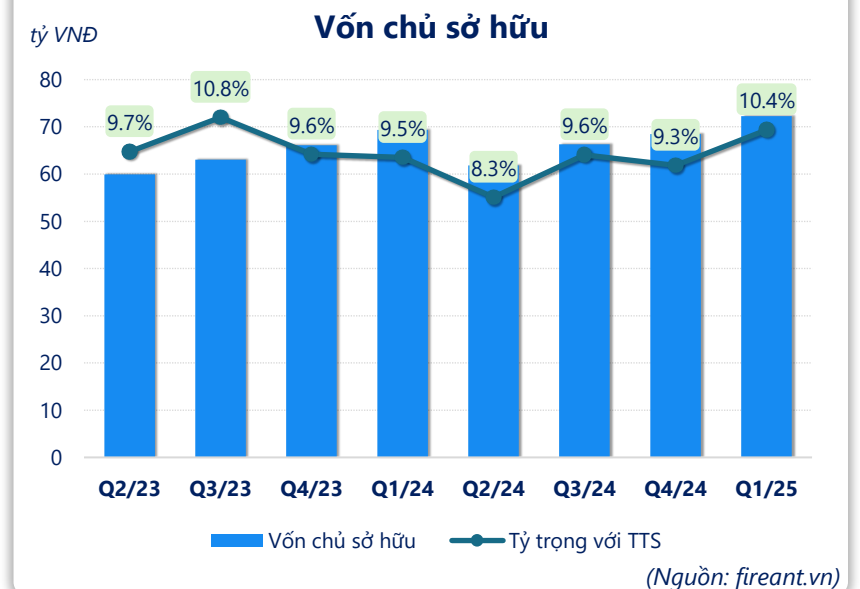
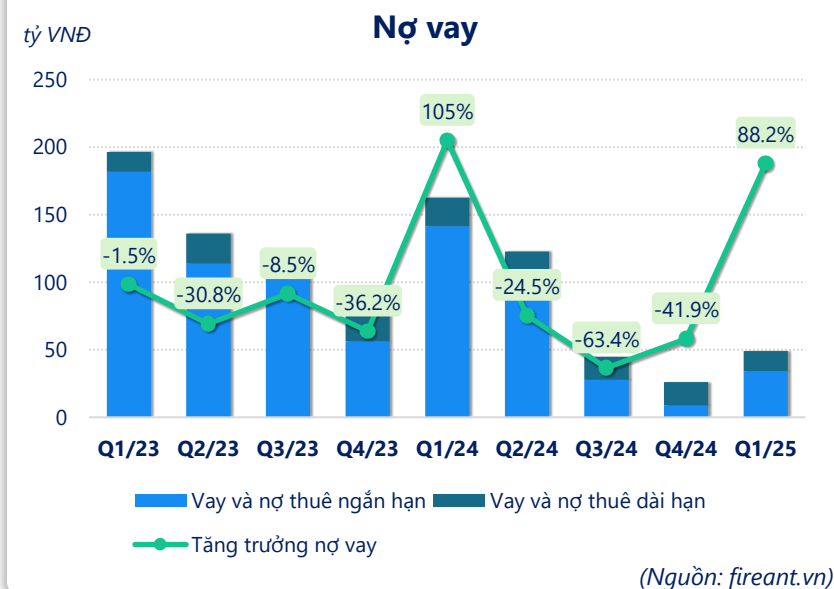
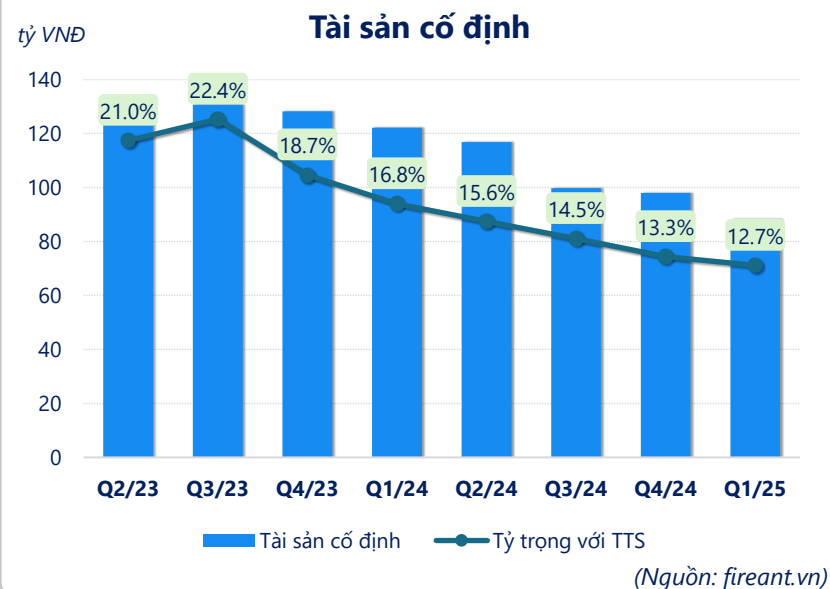
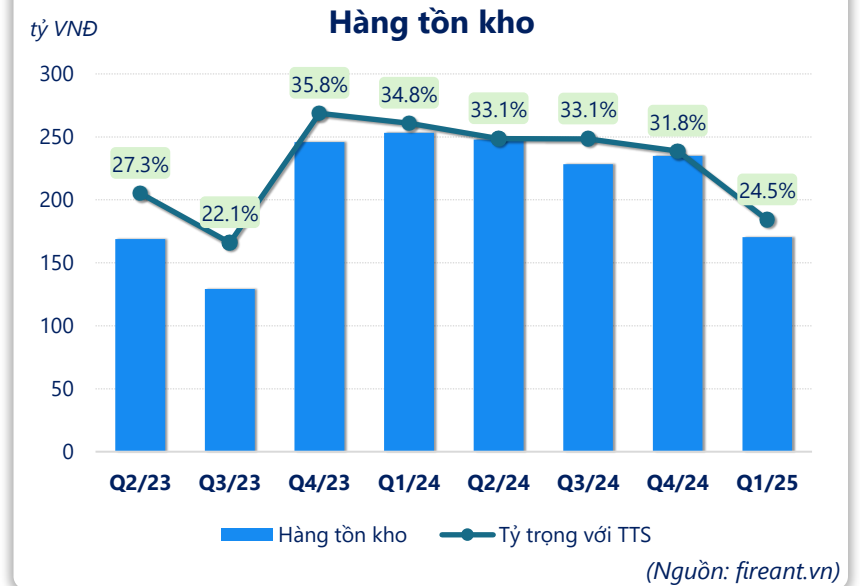
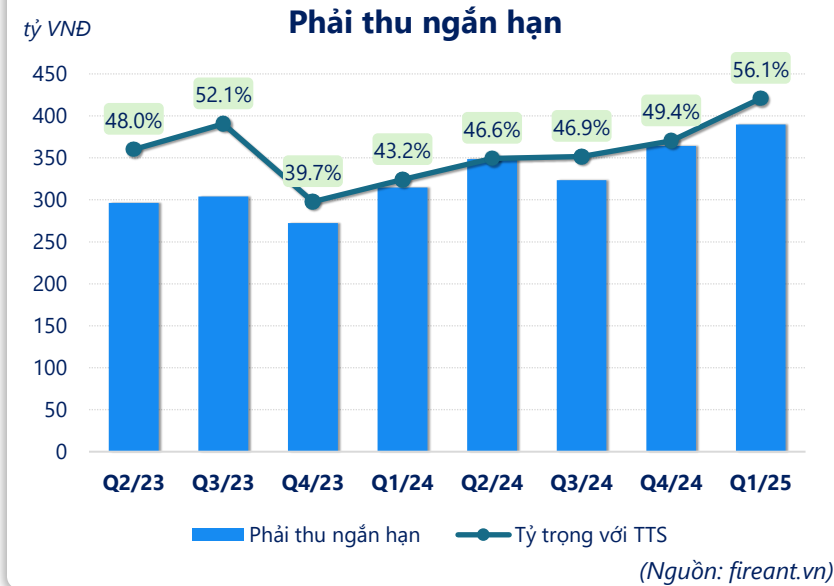
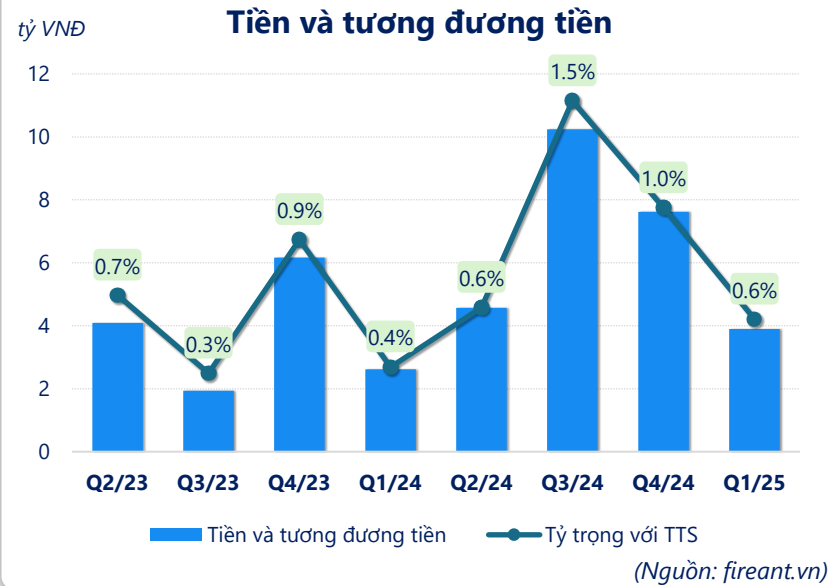
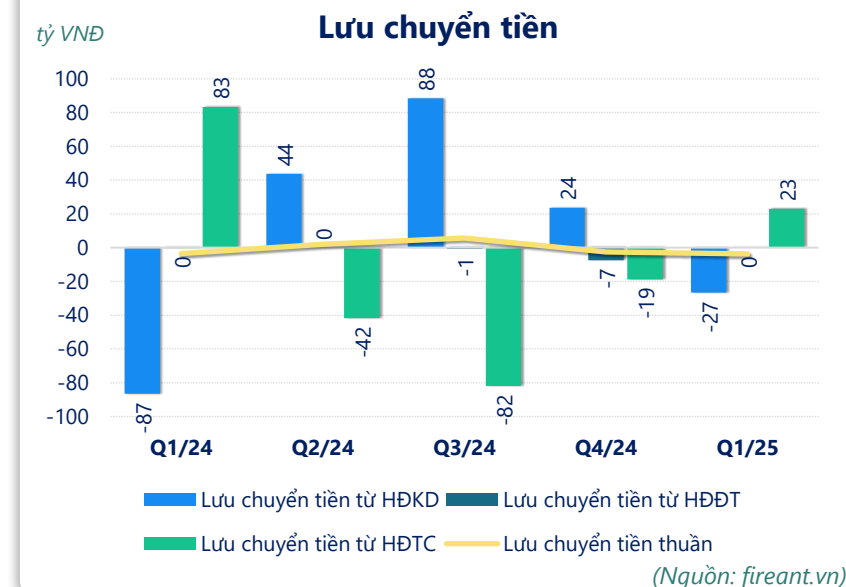
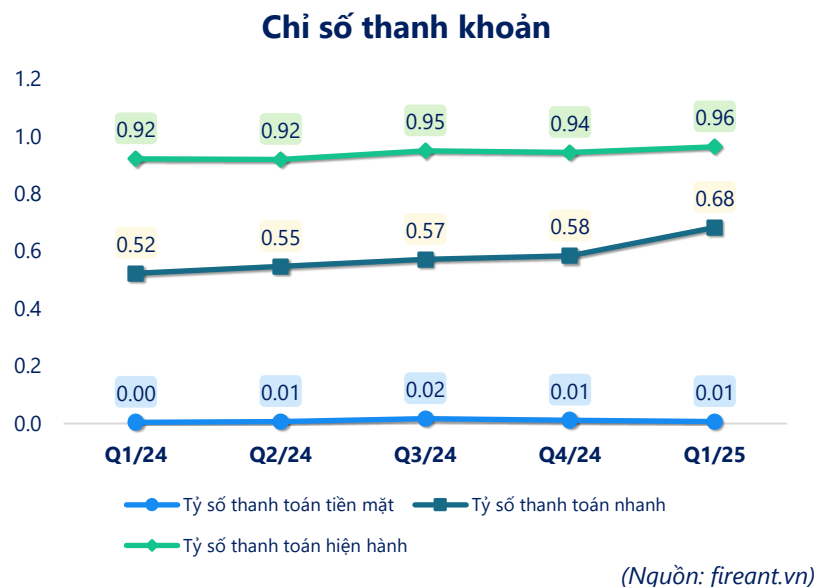
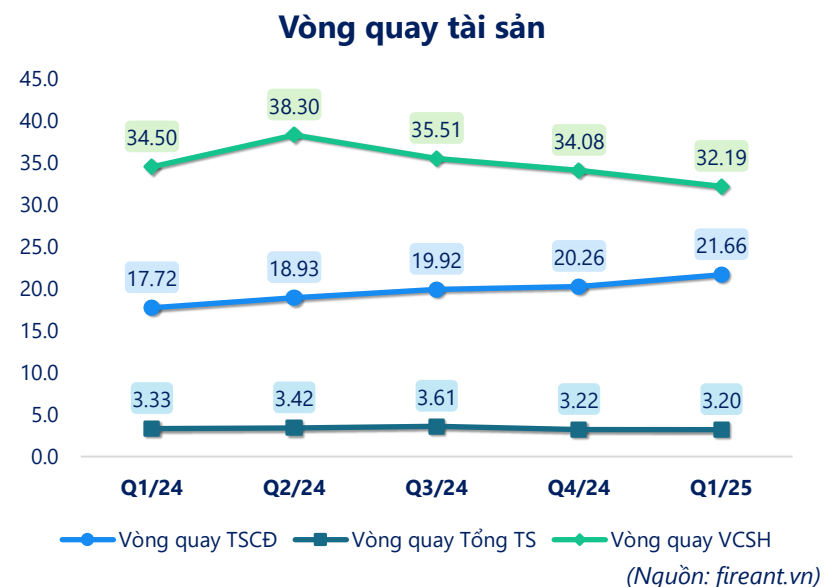
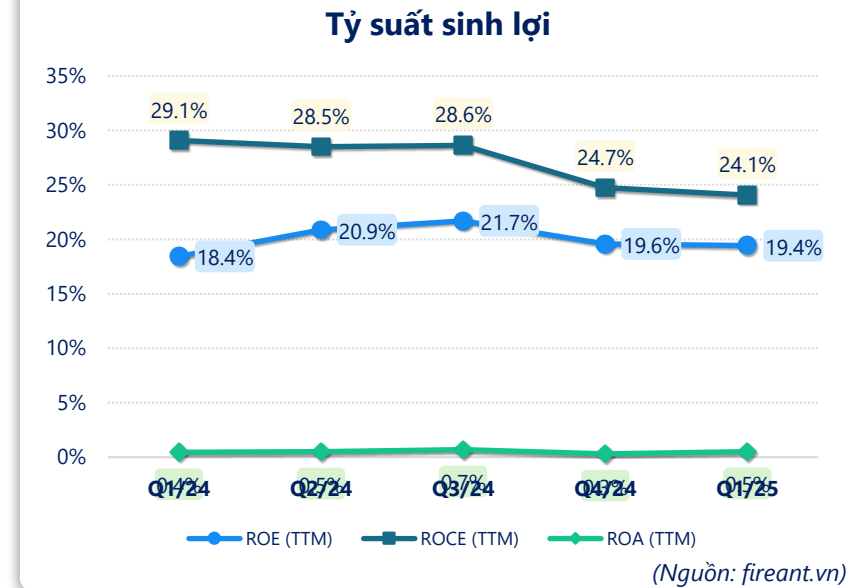
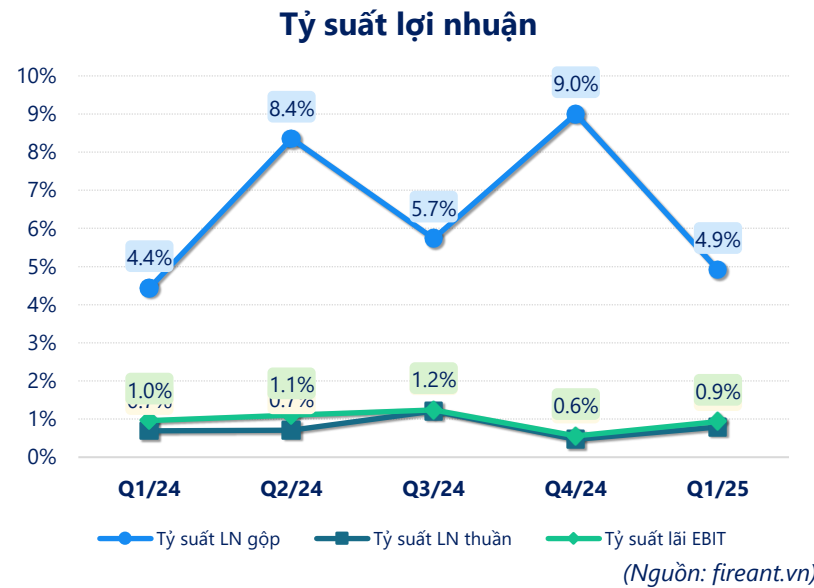
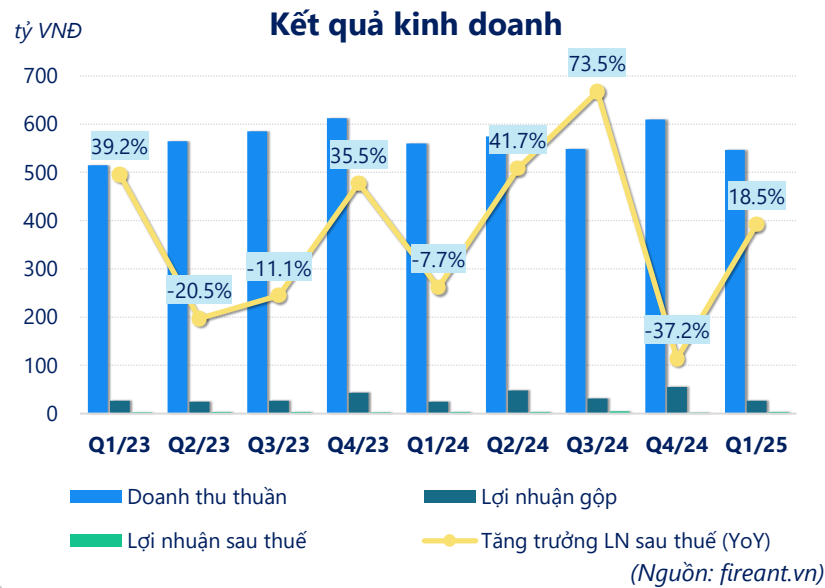


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		16,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		14,500
SL cổ phiếu LH		4,697,351
KLGD BQ 20 phiên (CP)		705
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		76
P/E		5.5
EPS		2,927

	YTD	1T	3T	6T
CTT	8.0%	-1.8%	8.0%	1.3%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	694	737	-5.8%
Tài sản ngắn hạn	585	614	-4.8%
Tiền và tương đương tiền	3.90	7.62	-48.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	390	364	7.1%
Hàng tồn kho	170	234	-27.2%
Tài sản ngắn hạn khác	20.8	8.88	134%
Tài sản dài hạn	110	123	-10.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	88.3	98.0	-10.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	21.4	25.0	-14.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	622	669	-7.0%
Nợ ngắn hạn	607	652	-6.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	34.1	8.85	285%
Phải trả người bán ngắn hạn	521	562	-7.3%
Nợ dài hạn	15.0	17.2	-12.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	15.0	17.2	-12.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	72.3	68.6	5.4%
Vốn chủ sở hữu	72.3	68.6	5.4%
Vốn điều lệ	47.0	47.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	560	574	549	609	547
Giá vốn hàng bán	535	526	517	555	520
Lợi nhuận gộp	24.9	48.0	31.5	54.8	26.8
Doanh thu HĐTC	0.10	0.14	-0.17	0.17	0.02
Chi phí TC	1.53	2.03	1.02	0.57	0.50
Chi phí lãi vay	1.53	2.03	1.02	0.57	0.50
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.42	22.4	3.80	15.5	3.32
Chi phí QLDN	17.1	19.6	19.9	36.1	18.7
LN thuần từ HĐKD	3.86	4.08	6.64	2.84	4.33
Lợi nhuận khác	0.01	0.22	-0.85	-0.01	0.26
LN trước thuế	3.87	4.30	5.79	2.83	4.59
Lợi nhuận sau thuế	3.10	3.44	4.43	2.20	3.67
LNST của CĐ cty mẹ	3.10	3.44	4.43	2.20	3.67

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-86.6	43.6	88.3	23.6	-26.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.28	0.16	-0.64	-7.43	-0.04
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	83.3	-41.8	-82.0	-18.8	23.0
Tiền đầu kỳ	6.16	2.61	4.57	10.2	7.62
Lưu chuyển tiền thuần	-3.55	1.96	5.67	-2.62	-3.72
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.61	4.57	10.2	7.62	3.90

(Nguồn: fireant.vn)